My name is: _____ WORKSHEET

| FFs1 – Unit 3 | Teacher's feedbacks |
|---|---|

**Task 1. Look and write: Con nhìn và viết đáp án nhé**

| Singular | Plural |
|---|---|
| This is a ball. near → | These is a ball. near → |
| That is a ball. far → | Those is a ball. far → |

1. _____(This/ That) is a cup. →
2. _____(These/ Those) are flowers. →
3. _____(This/ That) is an apple. →
4. _____(These/ Those) are balls. →
5. _____(This/ That) is tomato. →
6. _____(This/ That) is a book. →
7. _____(These/ Those) are chairs. →
8. _____(These/ Those) are pencils. →
9. _____(This/ That) is a bicycle. →
10. _____(This/ That) is a bag. →


LIVEWORKSHEETS

**Task 2: Odd one out: Con chọn từ khác với những từ còn lại nhé**

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1. | a. eyes | b. ears | c. face | d. ball |
| 2. | a. train | b. teddy | c. doll | d. notebook |
| 3. | a. pink | b. yellow | c. red | d. eleven |
| 4. | a. pencil | b. puzzle | c. rubber | d. ruler |
| 5. | a. cat | b. monkey | c. elephant | d. car |
| 6. | a. window | b. scooter | c. chair | d. door |
| 7. | a. this | b. that | c. these | d. they |
| 8. | a. nose | b. ruler | c. arm | d. ear |
| 9. | a. pen | b. ball | c. teddy | d. dinosaur |
| 10. | a. pencil | b. rubber | c. bag | d. train |


LIVEWORKSHEETS

**Task 3: Read and choose V or X: Con đọc và nếu đúng với hình chọn V hoặc sai chọn X nhé**

1. This monster has three eyes, one big mouth, two arms and two legs.

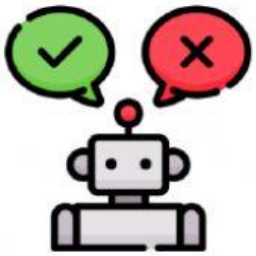

2. This monster has one eye, one mouth, two arms, two legs.

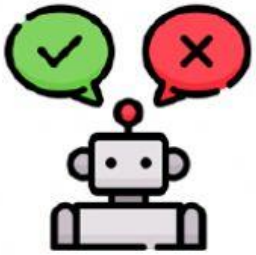

3. This monsters has three eyes, one mouth, no arm, no leg.

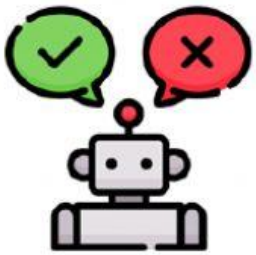

4. This monster has two eyes, one mouth, two arms, two legs.

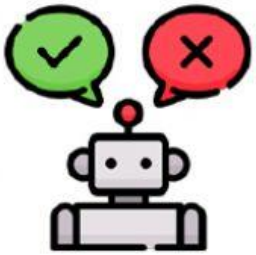

5. This monster has two eyes, one mouth, no arm, no leg.

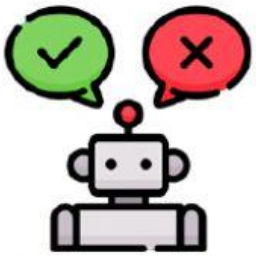



LIVEWORKSHEETS

**Task 4: Listen and choose: Con nghe và chọn nhé**

LIVEWORKSHEETS